

Số: 20 /2026/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2017/QH14, Luật số 23/2018/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 60/2024/QH15; Luật số 74/2025/QH15, Luật số 89/2025/QH15, Luật số 94/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15, Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 81/BC-HĐND ngày 24 tháng 5 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nộp lệ phí: Tổ chức và cá nhân có nhu cầu cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật (bao gồm xây dựng mới; sửa chữa, cải tạo; di dời công trình; xây dựng có thời hạn; điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng);

b) Tổ chức thu lệ phí: Sở Xây dựng, Ban quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã);

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí

1. Tổ chức thu lệ phí

a) Sở Xây dựng thu đối với những trường hợp do Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp, ủy quyền;

b) Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh thu đối với những trường hợp do Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh cấp giấy phép theo thẩm quyền;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền được phân cấp.

2. Mức thu lệ phí

a) Cấp giấy phép xây dựng, điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân: 75.000 đồng/01 giấy phép;

b) Cấp giấy phép xây dựng, điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng khác: 150.000 đồng/01 giấy phép;

c) Cấp lại giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân: 30.000 đồng/01 giấy phép;

d) Cấp lại giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng khác: 60.000 đồng/01 giấy phép;

đ) Gia hạn giấy phép xây dựng: 15.000 đồng/lần;

e) Mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng thông qua dịch vụ công trực tuyến bằng 0 đồng (không đồng).

3. Chế độ thu, nộp lệ phí

a) Người nộp lệ phí nộp theo từng lần phát sinh cho tổ chức thu lệ phí bằng tiền mặt hoặc theo hình thức thanh toán không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu lệ phí của tổ chức thu lệ phí mở tại tổ chức tín dụng;

b) Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Thực hiện kê khai, nộp lệ phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

c) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của pháp luật về lệ phí và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điểm e, khoản 2, Điều 2 của Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

3. Nghị quyết này bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định về Lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

b) Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Bãi bỏ Danh mục Nghị quyết tại số thứ tự 46 Mục V Phụ lục III và số thứ tự 42 mục V Phụ lục IV Danh mục Nghị quyết ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XX, Kỳ họp thứ ba (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Xây dựng; Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính; Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Minh Xuân